

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng;

2/ Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2024/TLST-HS ngày 02/4/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/QĐXXST-HS ngày 27/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/HS-QĐ ngày 12/6/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Lưu G, sinh năm 1981; Nơi sinh: tại Hà Nội; CCCD: 001081020419; Thường trú: A, Đường F, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 3 Đường A, Khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T và bà Lưu Thị T1; Vợ tên Nguyễn Thúy H, có 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam, tạm giữ từ ngày: 18/5/2023.

Người bị hại: Ông Lê Thanh S, sinh năm 1966

Cư trú: 1, Đường F, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người làm chứng:

- Em Lê Thanh T2, sinh năm 2009. Có đại diện hợp pháp bà Dương Thị Thanh M, sinh năm 1982. Có mặt

- Bà Dương Thị Thanh M, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: 1, Đường F, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1968

Cư trú: 170/2/8 Quốc lộ A, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố

Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, ông Lê Thanh S xây dựng không phép 01 căn nhà tại địa chỉ số A, Đường F, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Biết được điều này, khoảng tháng 3 năm 2021, Nguyễn Lưu G bắt đầu đăng 01 bài phản ánh việc xây dựng trái phép của ông S trên trang thông tin điện tử về xây dựng của Thành phố Hồ Chí Minh (ứng dụng SXD247). Sau đó, ông S nhận được Quyết định xử phạt hành chính của Phó Chủ tịch Ủy Ban nhân dân thành phố T và giấy mời đến làm việc của Ủy Ban nhân dân phường L về việc tháo dỡ công trình vi phạm. Lúc này, ông S biết được Nguyễn Lưu G là người đã đăng bài phản ánh vi phạm của ông S trên ứng dụng SXD247 nên ông S gặp mặt G để nhờ G gỡ bài phản ánh, G đồng ý và yêu cầu ông S đưa cho G số tiền 50.000.000 đồng để G liên hệ gỡ bài đăng phản ánh và hủy Quyết định xử phạt hành chính. Sau nhiều lần mặc cả xin giảm số tiền G yêu cầu nhưng không được, vì lo sợ và cũng vì tin tưởng G nên vào khoảng cuối tháng 6/2021 (*không nhớ rõ ngày*), ông S đã 02 lần đưa tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng cho em Lê Thanh T2 (*sinh năm: 2009, con của ông S*) để em T2 đưa cho G, em T2 đã 02 lần đi đến nhà G tại địa chỉ số A, Đường F, Khu phố C, phường L để đưa cho G, lần đầu đưa 10.000.000 đồng, lần thứ 2 đưa 40.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến khoảng tháng 9/2021, Ủy Ban nhân dân phường L tiếp tục có văn bản yêu cầu ông S chấp hành việc tháo dỡ công trình vi phạm nên ông S đã liên lạc với G. Sau nhiều lần trao đổi, đến ngày 07/3/2022, G nhắn với ông S là cần đưa thêm cho G 30.000.000 đồng nữa để G làm các thủ tục để: “hủy toàn bộ Quyết định vi hiện giờ chỉ là treo quyết định đã ban hành trước kia (treo không có thời hạn cụ thể) và thực hiện việc “đo, vẽ, ra sổ” đối với công trình xây dựng trái phép của ông S. G nhiều lần nhắn thông tin không đúng sự thật để thúc ép ông S đưa thêm 45.000.000 đồng nên ông S phải miễn cưỡng đồng ý tiếp tục đưa số tiền 30.000.000 đồng cho em Lê Thanh T2 đi đến nhà G đưa cho G.

Cuối năm 2022, sau nhiều lần ông S hỏi G kết quả xử lý hồ sơ và yêu cầu được nhận lại hồ sơ và tiền chi phí đã đưa thì G đưa ra nhiều lý không đúng sự thật để né tránh.

Đến tháng 02/2023, G tiếp tục đăng 01 bài viết phản ánh trên App 247SXD thừa ông S xây dựng trái phép. Ngày 16/02/2023, ông S thấy bài phản ánh việc xây dựng trái phép trên App 247SXD nên lo sợ, nhắn tin hỏi G thì G nói sẽ kiểm tra lại và gỡ bài thừa ông S trên App 247SXD. Sau đó, Ủy Ban nhân dân phường L mời ông S đến làm việc để yêu cầu ông cam kết tháo dỡ công trình vi phạm nên ông S lại liên hệ với G thì được G cho biết muốn gỡ tất cả các bài phản ánh trên App 247SXD, “*rút toàn bộ hồ sơ gốc*” cần phải đưa thêm cho G số tiền là 60.000.000 đồng, G nhắn số tài khoản của G cho ông S và yêu cầu ông S ghi nội dung: “TRẢ NỢ CHO GIANG” để nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình. Ngày 09/5/2023, ông S gặp trực tiếp G tại quán cà phê “*Hoàng Phát*”, địa chỉ: số A, Đường E, Khu phố B, phường L để trao đổi. Tại đây, G nói với ông S về việc rút toàn bộ hồ sơ gốc nghĩa là: gỡ tất cả các bài đăng phản ánh ông S trên ứng dụng SXD247, thu hồi Quyết định xử phạt tại bộ phận văn thư của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân thành phố T.

Tin tưởng G nên ông S đồng ý, tuy nhiên do không đủ số tiền 60 triệu đồng nên ông S nhấn tin, hẹn G đến ngày 14/5/2023 sẽ gặp đưa trước cho G số tiền 20.000.000 đồng, 40.000.000 đồng còn lại sẽ đưa sau, G đồng ý. Đến ngày 10/5/2023, ông S nghi ngờ G chiếm đoạt tài sản nên đến Công an phường L trình báo sự việc. Đến 09 giờ 40 phút ngày 18/5/2023, ông S đến quán cà phê “Hoàng Phát”, địa chỉ số A, Đường E, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp G. Tại đây, ông S đưa cho G số tiền 20.000.000 đồng, G nhận lấy và bỏ vào túi áo thì bị Công an phường L kết hợp Đ Công an thành phố T bắt quả tang đưa về trụ sở Công an phường lập biên bản, xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Lưu G khai nhận: Vào năm 2017 khi ông S xây nhà thì làm nứt tường nhà G nên đến năm 2021 G đã nhiều lần phản ánh trên ứng dụng App SXD247 về việc ông S xây dựng trái phép, G đã yêu cầu ông S chuẩn bị số tiền 50.000.000 đồng, 30.000.000 đồng đưa cho G để G tìm người gỡ hết tất cả các tin mà G đã phản ánh ông S trên App SXD247, ông S đã đồng ý nhưng ông S chưa đưa tiền cho G, G không thừa nhận trước đây đã nhận tổng số tiền 80.000.000 đồng của ông S. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị bắt quả tang, G khai nhận có nhấn tin trả lời sẽ giúp ông S tìm người xóa bài đăng và làm giấy phép xây dựng cho ông S với giá 60.000.000 đồng, do ông S không đủ tiền nên đã nhấn tin cho G nói sẽ đưa trước cho G 20.000.000 đồng và G đồng ý nhận trước 20.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền 20.000.000 đồng ngày 18/5/2023 G đang nhận của ông S là tiền ông S trả nợ cho G chứ không phải là số tiền 20.000.000 đồng ông S đưa trước cho G. Qua xác minh, ngoài lời khai của G về việc ông S xây dựng làm nứt nhà G thì không có hình ảnh, chứng cứ gì chứng minh sự việc G bị nứt nhà là có thật; đối với việc ông S mượn tiền của G 20.000.000 đồng thì ngoài lời khai ra G cũng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh việc G đã cho ông S mượn tiền.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Đình N1, Sinh năm: 1982, Nơi thường trú: Hòa Xuân T3, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên tố cáo Nguyễn Lưu G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tuy nhiên do ông N1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc G chiếm đoạt tài sản của ông N1 và ngày 01/3/2024 ông N1 đã có đơn rút đơn tố cáo nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xử lý đối với vụ việc này.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 20.000.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3.4 thu giữ của Nguyễn Lưu G.

Về phần dân sự: Bị hại ông Lê Thanh S yêu cầu được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng đang bị tạm giữ và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 80.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 172/CT – VKSTPTĐ ngày 01/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Nguyễn Lưu G về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 17; Điều 38; Điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa

đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Lưu G từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù. Đề nghị trả lại cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng; Tạm giữ 01 điện thoại thu giữ của G để đảm bảo thi hành án; Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng; Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không đồng ý với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhưng không có tranh luận gì. Tuy nhiên bị cáo cũng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Từ tháng 6/2021, Nguyễn Lưu G đã có hành vi đăng bài phản ánh việc xây nhà trái phép của ông Lê Thanh S đồng thời đưa nhiều thông tin gian dối khiến ông S lo lắng nhằm mục đích ép buộc ông S đưa cho G số tiền 50.000.000 đồng và 30.000.000 đồng để G rút bài đăng và xử lý hồ sơ pháp lý cho ông S. Do lo sợ nên ông S đã 02 lần đưa cho G tổng số tiền 80.000.000 đồng. Đến tháng 02/2023, Nguyễn Lưu G do thiếu tiền tiêu xài nên tiếp tục đăng bài phản ánh việc xây nhà trái phép của ông S, sau đó tiếp tục yêu cầu ông S đưa cho G thêm số tiền 60.000.000 đồng để xử lý, do lo sợ nên ông S đã đồng ý đưa trước 20.000.000 đồng, thiếu lại G 40.000.000 đồng. Ngày 18/5/2023, tại địa chỉ số A, Đường E, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc G đang nhận số tiền 20.000.000 đồng từ ông S thì bị bắt quả tang. Như vậy G đã có hành vi 02 lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tổng số tiền 140.000.000 đồng, đã nhận số tiền 80.000.000 đồng, khi vừa nhận thêm 20.000.000 đồng của ông S thì bị bắt quả tang.

Quá trình tố tụng bị cáo phủ nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với ông S. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về việc đã nhiều lần phản ánh trên ứng dụng App SXD247 về việc ông S xây dựng trái phép, Bị cáo thừa nhận đã yêu cầu ông S chuẩn bị số tiền 50.000.000 đồng và chuẩn bị thêm số tiền 30.000.000 đồng đưa cho G để G tìm người gỡ hết tất cả các tin mà G đã phản ánh ông S trên App SXD247; Thừa nhận việc không tìm được người giúp xử lý hồ sơ nhà cho ông S nhưng vẫn thông tin không đúng cho ông S về việc đã tìm được người giúp; Thừa nhận tiếp tục có hành vi phản ánh trên ứng dụng App SXD247 về công trình xây dựng ông S; Thừa nhận việc có đưa số tài khoản yêu cầu ông S chuyển tiền và ghi nội dung: “TRẢ NỢ CHO GIANG” nhưng thực tế không phải là trả nợ mà để hoàn tất việc xử lý hồ sơ nhà cho ông S; Thừa nhận việc ông S nhiều lần đòi lại hồ sơ

nhà và yêu cầu trả tiền nhưng theo bị cáo số tiền ông S đòi là 1.000.000 đồng ông S cho bị cáo mượn khi đi uống cà phê chứ không phải là 80.000.000 đồng; Thừa nhận có hẹn gặp và nhận số tiền 20.000.000 đồng ngày 18/5/2023 nhưng theo bị cáo đây là số tiền ông S trả do đã mượn bị cáo từ trước đó và lấy từ quỹ đen của bị cáo; Thừa nhận nội dung tin nhắn Z là giữa bị cáo và ông S; Thừa nhận không có công việc ổn định, còn nợ tiền nhà trọ nhiều tháng chưa thanh toán được.

Căn cứ vào các nội dung tin nhắn Zalo giữa bị cáo và bị hại, lời khai thừa nhận của bị cáo, bị hại và các nhân chứng. Có cơ sở xác định bị hại vì lo sợ công trình xây dựng bị xử lý nên đã đồng ý với các yêu cầu đưa tiền của bị cáo và đã hoàn tất việc đưa tiền cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng và phải đưa thêm 60.000.000 đồng.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo nhận khi bị bắt quả tang, Bị cáo thừa nhận có gặp trao đổi và nhắn tin trả lời sẽ giúp ông S tìm người xóa bài đăng và làm giấy phép xây dựng cho bị hại với giá 60.000.000 đồng, do bị hại không đủ tiền nên đã nhắn tin cho bị cáo nói sẽ đưa trước cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng và được bị cáo đồng ý và hẹn gặp giao tiền tại quán cà phê. Việc nhận số tiền 20.000.000 đồng này đã được thực hiện vào ngày 18/5/2023 thì bị bắt quả tang là phù hợp với các diễn biến trao đổi giữa hai bên. Bị cáo cho rằng nhận số tiền 20.000.000 đồng này là tiền bị hại trả nợ cho bị cáo chứ không phải là số tiền 20.000.000 đồng bị hại đưa trước cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại nên chủ động yêu cầu bị hại thực hiện chuyển khoản và ghi nội dung để trả nợ để che dấu hành vi phạm tội của mình, ngoài lời khai ra bị cáo cũng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh việc đã cho bị hại mượn tiền. Bản thân bị cáo và người làm chứng là ông Phạm Hữu N (*chủ nhà cho bị cáo thuê ở trọ*) cũng xác định bị cáo không có việc làm, khó khăn về tài chính, nợ tiền thuê nhà nhiều tháng, hứa hẹn nhiều lần nhưng chưa có điều kiện trả. Quá trình dài trao đổi tin nhắn với bị hại, bị cáo chưa từng đề cập đến việc cho bị hại mượn tiền và yêu cầu đòi tiền. Như vậy, lời khai của bị cáo về việc bị hại đưa số tiền 20.000.000 đồng cho bị cáo khi bị bắt quả tang là tiền trả nợ là không có cơ sở. Bị cáo cho rằng ông S nhiều lần nhắn tin yêu cầu bị cáo hoàn trả hồ sơ và trả lại tiền, số tiền này chỉ là 1.000.000 đồng mà G đã mượn khi đi uống cà phê cũng là không có cơ sở. Hành vi phạm tội của bị cáo là có sự chủ đích, có sự tính toán, khi bị phát hiện và bắt quả tang lại thể ý thức đối phó, quanh co và không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác có giá trị nêu trên mà bị cáo thực hiện đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình tố tụng, bị cáo đã không thành khẩn khai báo. Mặc dù đã được giải thích và tạo điều kiện nhưng cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến tình tiết giảm nhẹ nào. Tuy nhiên trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, lời sau cùng bị cáo cũng mong được giảm nhẹ hình phạt cũng đã thể hiện một phần sự ăn năn hối cải nên cũng cần được xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Trả lại cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng;
- Tạm giữ 01 điện thoại thu giữ của G để đảm bảo thi hành án;
- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lưu G phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Lưu G: 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2023.

2- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Chi cục Thi hành án Tp. Thủ Đức số 39490303056600000 ngày 24/6/2024;
- Tạm giữ 01 điện thoại Nokia 3.4 để đảm bảo thi hành án;
- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 80.000.000 đồng.

(Theo phiếu nhập kho số NK24/015C ngày 20/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

3- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;

TOÀ

- Sở Tư pháp TP . HCM;

- VKSND TP . Hồ Chí Minh;

- VKSND TP . Thủ Đức;

- Cơ quan CSĐT Công an TP . Thủ Đức;

- Nhà tạm giữ Công an TP . Thủ Đức;

- Cơ quan THA.HS Công an TP . Thủ Đức;

- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẮM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Đinh Khắc Hưng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN

